TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 –VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **37**/2025/DS-ST
Ngày: 18/8/2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Phong
2. Ông Nguyễn Văn Miêng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sỉ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2025/TLST-DS ngày 16/5/2025 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS ngày 04/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2025/QĐST-DS ngày 31/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997.

Địa chỉ thường trú: Số B, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.(nay là Số B, ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long). Địa chỉ liên hệ: số G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (nay là số G, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Kỳ D, sinh năm 2001. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: số G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (nay là số G, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long)

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1967 và bà Trương Thị Đ, sinh năm 1969. (cùng vắng mặt)

Cùng cư trú: số A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Nay là số 197/5, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/4/2025, đơn xin vắng mặt; đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T là bà Phan Kỳ D trình bày:

Ngày 26/4/2023 ông Đỗ Văn T1, bà Trương Thị Đ và hộ kinh doanh C bắt đầu ký kết hợp đầu mua bán thức ăn tôm thẻ, chân trăng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H, G cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Khi thu tôm lên ông T1, bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ công nợ phát sinh trong vụ nuôi cho hộ kinh doanh C. Đến ngày 27/4/2023 ông T1, bà Đ bắt đầu lấy thức ăn và thuốc của hộ kinh doanh C về phục vụ việc nuôi tôm.

Sau khi thu tôm lên ông T1, bà Đ không tất toán được công nợ phát sinh trong vụ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hộ kinh doanh C đã ngưng giao dịch với ông T1, bà Đ vào ngày 27/11/2023 với tổng số tiền công nợ là 47.215.000 (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm mười lăm nghìn) đồng và xác nhận công nợ vào ngày 07/6/2024. Nếu việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán kéo dài quá 30 ngày kể từ ngày ký biên bản đối chiếu công nợ thì ông/bà phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

Từ thời điểm ngưng giao dịch là ngày 27/11/2023 tính đến ngày 25/01/2025 thì ông T1, bà Đ có thanh toán số tiền là 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng đến nay, sau nhiều lần hộ kinh doanh C đã gọi điện, đến nơi cư trú yêu cầu thanh toán nhưng ông bà không có thiện chí thanh toán số tiền công nợ là 45.015.000 (Bốn mươi lăm triệu không trăm mười lăm nghìn) đồng. Hành vi của ông T1, bà Đ được xem là vi phạm hợp đồng gây thiệt hai về tài sản cho hộ kinh doanh C do bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ hộ kinh doanh làm đại diện.

Do đó bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Đỗ Văn T1 và bà Trương Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Cửa Hàng C do bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ hộ kinh doanh làm đại diện với số tiền là 49.872.000 đồng. Trong đó nợ gốc: 45.015.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 07/7/2024 đến ngày 07/8/2025 là 13 tháng với số tiền 4.857.000 đồng (tính chẵn).

Bị đơn ông Đỗ Văn T1, bà Trương Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định 203, 205, 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 234, 236, 237, 239 đến Điều 263 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều

70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 288, 430, 434, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản C (gọi tắt là Minh L), buộc bị đơn ông Đỗ Văn T1 và bà Trương Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Cửa Hàng C do bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ hộ kinh doanh làm đại diện với số tiền là 49.872.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 45.015.000 đồng và tiền lãi là 4.857.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Đỗ Văn T1, bà Trương Thị Đ, do bị đơn sinh sống tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là bà Phan Kỳ D có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Đỗ Văn T1, bà Trương Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T với bị đơn ông Đỗ Văn T1, bà Trương Thị Đ được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thanh T có cung cấp cho Toà án Bản chính Hợp đồng mua bán ngày 26/4/2023 có chữ ký của ông Đỗ Văn T1, bà Trương Thị Đ và B đối chiếu xác nhận công nợ ngày 07/6/2024 có nội dung thể hiện vợ chồng ông Đỗ Văn T1, bà Trương Thị Đ còn nợ lại số tiền 47.215.000 (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm mười lăm nghìn) đồng có chữ ký xác nhận nợ của bà Trương Thị Đ.

Bà T tự thừa nhận phía ông T1, bà Đ đã trả cho bà được 2.200.000 đồng nên bà chỉ yêu cầu số nợ gốc là 45.015.000 đồng.

Xét thấy từ khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Văn T1, bà Trương Thị Đ nhưng ông T1, bà Đ không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T nên xem như ông T1, bà Đ đã mặc nhiên thừa nhận nợ số tiền như bà T khởi kiện nên theo

quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà T có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Về lãi suất: trong bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 07/6/2024 có thoả thuận "*Nếu việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán kéo dài quá 30 ngày kể từ ngày ký biên bản đối chiếu công nợ thì ông/bà phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật*". Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên căn cứ quy định tại Điều 430, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng C. Buộc bị đơn ông Đỗ Văn T1 và bà Trương Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Cửa Hàng C do bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ hộ kinh doanh làm đại diện với số tiền là 49.872.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 45.015.000 đồng và tiền lãi là 4.857.000 đồng).

[6] Về án phí: Buộc ông T1, bà Đ có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, các Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 357, 430, 434, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng C. Buộc bị đơn ông Đỗ Văn T1 và bà Trương Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Cửa Hàng C do bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ hộ kinh doanh làm đại diện với số tiền là 49.872.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 45.015.000 đồng và tiền lãi là 4.857.000 đồng).

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đỗ Văn T1, bà Trương Thị Đ có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 2.493.000 (Hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.219.000 (Một triệu, hai trăm mười chín nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011093, ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long)

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong **Nguyễn Văn Miêng** **Nguyễn Hữu Lộc**